

Báo cáo này được thực hiện để phản ánh thực trạng và mô tả các yếu tố quyết định đến vận động thể lực và sức khỏe ở trẻ em và trẻ vị thành niên Việt Nam từ 6 đến 17 tuổi. Dữ liệu trong báo cáo này được tổng hợp từ các nghiên cứu trên cả nước. Tiêu chí đánh giá trong bản báo cáo này được xây dựng bởi Active Healthy Kids Global Alliance, cụ thể như sau:

A+	94% - 100%	Hầu hết trẻ em-trẻ vị thành niên/đối tượng nghiên cứu đạt tiêu chuẩn
A	87% - 93%	
A-	80% - 86%	
B+	74% - 79%	Đa số trẻ em-trẻ vị thành niên/đối tượng nghiên cứu đạt tiêu chuẩn
B	67% - 73%	
B-	60% - 66%	
C+	54% - 59%	Một nửa số trẻ em-trẻ vị thành niên/đối tượng nghiên cứu đạt tiêu chuẩn
C	47% - 53%	
C-	40% - 46%	
D+	34% - 39%	Chưa đến một nửa số trẻ em-trẻ vị thành niên/đối tượng nghiên cứu đạt tiêu chuẩn
D	27% - 33%	
D-	20% - 26%	
F	0% - 20%	Chỉ có một số ít trẻ em-trẻ vị thành niên/đối tượng nghiên cứu đạt tiêu chuẩn
INC	Incomplete	Dữ liệu không đủ hoặc không phù hợp để đánh giá tiêu chí này

Phân loại đánh giá các tiêu chí được xác định dựa trên tỉ lệ trẻ em và trẻ vị thành niên Việt Nam hoặc các đối tượng nghiên cứu đạt được đáp ứng yêu cầu của tiêu chí đó. Những tiêu chí này phản ánh thực trạng về vận động thể lực ở trẻ em và trẻ vị thành niên Việt Nam. Bản báo cáo này có giá trị cung cấp thông tin giúp xây dựng những chính sách phù hợp để nâng cao tình trạng vận động thể lực ở trẻ em và trẻ vị thành niên trong gia đình, nhà trường, cộng đồng và cả nước nói chung.

Tiêu chí đánh giá	Xếp loại
Tình hình vận động thể lực chung	F
Thể thao và Vận động thể lực có tổ chức	INC
Các hoạt động vui chơi chủ động	INC
Đi bộ hoặc đi xe đạp tới trường	D+
Hành vi tĩnh tại	C-
Thể lực	INC
Sự ủng hộ từ gia đình và bạn đồng trang lứa	C
Môi trường vận động trong trường học	A
Sự ủng hộ từ cộng đồng và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến vận động thể lực	C
Chính sách của Nhà nước về vận động thể lực ở trẻ em	B-
Tình trạng béo phì	B-

1. Tình hình vận động thể lực chung: F

Chưa đến 20% trẻ em và trẻ vị thành niên Việt Nam đạt được khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới về vận động thể lực, cụ thể là 60 phút vận động ở cường độ vừa đến mạnh mỗi ngày. Dữ liệu được tính dựa trên kết quả của ba nghiên cứu đã được công bố. (Ngan HTD và cộng sự, 2018; To QG và cộng sự, 2020; Tổ chức Y tế Thế giới, 2013)

2. Thể thao và Vận động thể lực có tổ chức: INC

Dữ liệu về thể thao và vận động thể lực có tổ chức được thu thập "Báo cáo khảo sát hành vi sức khỏe học sinh toàn cầu tại Việt Nam năm 2013(Global School Health Survey – GSHS) (Tổ chức Y tế Thế giới, 2013) nhưng không được công bố.

3. Các hoạt động vui chơi chủ động: INC

Không có dữ liệu có tính đại diện để đánh giá tiêu chí Vui chơi chủ động.

4. Đi bộ hoặc đi xe đạp tới trường: D+

Khoảng 35% học sinh Việt Nam sử dụng các phương tiện di chuyển chủ động (đi bộ hoặc đạp xe) để đến trường. (Tổ chức Y tế Thế giới, 2013)

5. Hành vi tĩnh tại: C-

Chỉ có khoảng 40% trẻ em và trẻ vị thành niên Việt Nam sử dụng màn hình điện tử (điện thoại, ti vi, máy tính, v.v...) dưới 2 giờ mỗi ngày. (Kim TV và cộng sự, 2022; Ngan HTD và cộng sự, 2018; Trang NHHD và cộng sự, 2013) Tổng thời gian ngồi yên của trẻ là rất cao, khoảng 11,5 giờ mỗi ngày. (Trang NHHD và cộng sự, 2013)

6. Thể lực: INC

Không có dữ liệu đại diện cho nhóm tuổi này tại Việt Nam.

7. Sự ủng hộ từ gia đình và bạn đồng trang lứa: C

Trong năm 2015, có 84,1% người lớn độ tuổi từ 18 đến 69 đạt được khuyến cáo về vận động ở mức cao (ít nhất 1.500 MET-phút mỗi tuần); và 19,7% đạt khuyến cáo về vận động ở mức trung bình (ít nhất 600 MET-phút mỗi tuần). (Cục Y tế Dự phòng, 2015) Khoảng 24,5% gia đình có vận động thể lực đủ, và 86% xã, phường, thị trấn trên cả nước tổ chức ngày chạy. (Tổng cục Thể dục Thể thao, 2019) Theo khảo sát, chỉ có 58% nhân viên y tế tham gia trả lời rằng vận động thể lực đóng vai trò quan trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe; 36% cho rằng vận động thể lực có phần quan trọng, và đến

6% cho rằng vận động thể lực là không quan trọng. (Beckvid-Henriksson và cộng sự, 2018). Tỉ lệ dùng để đánh giá tiêu chí Gia đình được tính từ ba nghiên cứu nêu trên.

8. Môi trường vận động trong trường học A

Theo báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về Tăng cường thể dục thể thao đến năm 2020, 100% các trường tiểu học và trung học (trẻ từ 6 đến 17 tuổi) có hai tiết giáo dục thể chất mỗi tuần (mỗi tiết dài 45 phút). (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021) Môn giáo dục thể chất được thiết kế phù hợp với từng đối tượng học sinh, và 100% giáo viên dạy môn này tham gia lớp đào tạo huấn luyện về phương pháp giảng dạy. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021) Tuy nhiên, chỉ có 59% số trường THCS và THPT có sân chơi thể thao (ví dụ sân bóng đá, nhà thể chất,...) (Tổ chức Y tế Thế giới, 2013)

9. Sự ủng hộ từ cộng đồng và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến vận động thể lực: C

Chưa đến 50% khu dân cư hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có khu vui chơi hay công viên. (Hoang AT và cộng sự, 2019; Phạm TTH và cộng sự, 2019)

10. Chính sách của Nhà nước về vận động thể lực ở trẻ em: B-

Để triển khai nghị định của Chính phủ và các đề án phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học, Vụ Giáo dục Thể chất (Bộ GD&ĐT) đã ký kết hợp tác với các đơn vị liên quan để tổ chức các hoạt động truyền thông về thể thao trường học giai đoạn 2020-2025. Chuỗi hoạt động gồm các chương trình truyền hình thể thao trường học; giải đấu thể thao thường niên; cung cấp bộ học liệu chuẩn cho giáo viên và học sinh cả nước. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020)

11. Tình trạng béo phì: B-

Trong bản báo cáo của UNICEF dựa trên Khảo sát Dinh dưỡng Quốc gia Việt Nam 2020, kết quả cho thấy có 19% trẻ em và trẻ vị thành niên tuổi từ 5 đến 19 bị thừa cân hoặc béo phì. (Bộ Y tế, 2021) Kết quả từ một nghiên cứu khác trên cùng bộ dữ liệu cho thấy có 14,8% trẻ từ 5 đến 19 tuổi bị suy dinh dưỡng. (UNICEF, 2021) Từ những dữ liệu trên, chúng tôi ước tính rằng có khoảng 66,2% trẻ em và trẻ vị thành niên Việt Nam có cân nặng trong mức khỏe mạnh, dù không có số liệu phân tích trực tiếp. Do đó, chỉ số này được phân loại ở mức B-.

Báo cáo về
**VẬN ĐỘNG THỂ LỰC
Ở TRẺ EM VÀ
TRẺ VỊ THÀNH NIÊN
VIỆT NAM 2022**



NHÓM TÁC GIẢ

ThS. Phuong Nguyen

Bộ môn Kinh tế Y tế, Đại học Deakin, Geelong, Victoria, Úc

BS. Nguyễn Xuân Đan

Bộ môn Dịch tễ học, Khoa Y tế Công cộng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

TS. Long Khanh-Dao Le

Bộ môn Kinh tế Y tế, Trường Y tế Công cộng và Y học Dự phòng Đại học Monash, Melbourne, Úc

ThS. Jaithri Ananthapavan

Bộ môn Kinh tế Y tế, Đại học Deakin, Geelong, Victoria, Úc

ThS. Phan Danh Na

Khoa Quản lý Thể thao Đại học Thể thao Quốc gia Đài Loan, Đài Trung, Đài Loan

PGS. TS. BS. Tăng Kim Hồng

Bộ môn Dịch tễ học, Khoa Y tế Công cộng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Để biết thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi qua email:

- phuong.nguyen@deakin.edu.au (ThS. Phuong Nguyen)
- dannx@pnt.edu.vn (BS. Xuân Đan)

Phương pháp nghiên cứu và Kết quả

Phương pháp nghiên cứu và kết quả chi tiết của bản báo cáo này (dữ liệu và tài liệu tham khảo) được công bố trong bài báo khoa học về bản báo cáo đăng trên tạp chí Journal of Exercise Science and Fitness.

Hướng đi tiếp theo

Đây là bản báo cáo đầu tiên của chuỗi Báo cáo về Vận động thể lực ở Trẻ em và Thiếu niên Việt Nam. Nhóm tác giả mong muốn hướng tới thành lập nhóm nghiên cứu Active Healthy Kids tại Việt Nam (là thành viên của Active Healthy Kids Alliance). Chúng tôi hi vọng nhóm có thể triển khai các hoạt động theo dõi và cập nhật xếp loại các tiêu chí trong năm 2024-2025.

Lời cảm ơn

Bản báo cáo này là sản phẩm hợp tác giữa Active Healthy Kids Global Alliance, Đại học Deakin (Úc) và Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, với sự tài trợ của Tập đoàn Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life theo sứ mệnh mang lại cuộc sống khỏe mạnh hơn cho mọi người.



Báo cáo về

VẬN ĐỘNG THỂ LỰC Ở TRẺ EM VÀ TRẺ VỊ THÀNH NIÊN VIỆT NAM 2022

